

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách phụ tải ưu tiên cấp điện, phương án cung ứng điện
khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện hoặc vận hành trong chế độ
cực kỳ khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 46/2025/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện, Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng và Thông tư số 06/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định điều độ, vận hành, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 94/TTr-SCT ngày 24 tháng 12 năm 2025 và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 17/BC-VP ngày 06 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách phụ tải ưu tiên cấp điện, phương án cung ứng điện khi hệ thống điện quốc gia thiếu nguồn điện hoặc vận hành trong chế độ cực kỳ khẩn cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2026 (có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, dữ liệu và sự phù hợp, tuân thủ các quy định của pháp luật trong hồ sơ thẩm định trình phê duyệt tại Tờ trình số 94/TTr-SCT nêu trên.

b) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công ty Điện lực Tuyên Quang:

Thực hiện nghiêm túc trình tự, thủ tục, việc công khai, phối hợp theo phương án tiết giảm điện đúng với quy định, phù hợp với kế hoạch công suất và sản lượng điện được giao.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; Giám đốc Công ty Điện lực Tuyên Quang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Sở Công Thương (bản chính);
- Trung tâm PVHCC tỉnh (bản chính);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, KTN: đ/c Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục I**DANH SÁCH KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG ĐIỆN QUAN TRỌNG NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

1. Danh sách phụ tải điện quan trọng không thực hiện cắt điện

TT	Tên khách hàng	TBA cấp điện	Công suất đặt (kVA)	Đường dây cấp điện
1	Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	250	473E14.9
2	Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân	Ủy ban nhân dân tỉnh	560	471E14.9
		Văn phòng Kho bạc tỉnh	250	473E14.1
3	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ủy ban nhân dân tỉnh	560	471E14.9
4	Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh Tuyên Quang	Đài Truyền hình	250	473E14.9
		Báo Tuyên Quang	250	473E14.9
5	Công an tỉnh	Công an tỉnh	800	471E14.9
6	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh đội	400	474E14.9
7	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Bệnh viện đa khoa 1+2	1310	471E14.9
8	Bệnh viện đa khoa Hà Giang	Bệnh viện	750	473E22.1
9	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh – Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	320	472E14.9
10	Bệnh viện Hoàng Việt	Bệnh viện Hoàng Việt	1000	471E14.1
11	Bệnh viện Phương Bắc	Bệnh viện An Sinh	1600	475E14.9
12	Bệnh viện đa khoa Đức Minh	Nguyễn Du	750	474E22.1
13	Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	CS PCCC	180	375E14.1

2. Danh sách phụ tải điện quan trọng hạn chế thực hiện cắt điện

TT	Tên khách hàng	TBA cấp điện	Công suất đặt (kVA)	Đường dây cấp điện
1	Sở Tài chính	Sở Tài chính	500	476E14.9

2	Sở Nội vụ	Kho bạc	560	473E14.1
		Ủy ban nhân dân tỉnh	1250	473E22.1
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trung Việt	400	473E14.1
		Trung tâm	750	473E22.1
4	Thuế tỉnh Tuyên Quang	Cục Thuế Tỉnh	400	473E14.1
5	Kho bạc nhà nước khu vực VIII	Văn phòng Kho bạc tỉnh	250	473E14.9
6	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực IV	Ngân hàng Nhà nước	320	473E14.1
7	Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội	Văn phòng Kho Bạc	250	473E14.1
8	Thanh tra tỉnh	Sở Nông nghiệp	400	473E14.1
9	Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp	400	473E14.1
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang	Rạp Tháng 8	320	471E14.9
11	Cục Thống kê	Quảng trường	560	473E14.9
12	Tỉnh đoàn	Rạp Tháng 8	320	471E14.9
13	Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh	Trường chuyên	180	477E14.9
14	Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh	Cầu Lườn 2	400	473E14.1
15	Sở Y tế	Phố Mới	560	472E14.9
		Cổng Thành	560	473E22.1
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa	400	473E14.9
		Sở Tài chính	250	473E22.1
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	Truyền hình	250	473E14.9
		Bảo Việt	400	473E22.1
18	Sở Công Thương	Truyền hình	250	473E14.9
		Bảo Việt	400	473E22.1
19	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	250	473E14.9
20	Sở Khoa học và Công nghệ	Điện lực	400	472E14.9
		Bảo Việt	400	473E22.1

21	Sở Xây dựng	Điện lực	400	472E14.9
		Sở Giao thông	400	473E14.9
		Kho bạc	250	473E22.1
22	Tòa án tỉnh	Viện Kiểm sát	400	472E14.9
23	Viện Kiểm sát tỉnh	Viện Kiểm sát	250	472E14.9
24	Sở Tư pháp	Viện Kiểm sát	400	472E14.9
		Bảo Việt	400	473E22.1
25	Trường THPT Chuyên Tuyên Quang	Trường Chuyên tỉnh	1000	473E14.9
26	Trường THPT Chuyên Hà Giang	Trường Chuyên tỉnh	160	471E22.1
27	Trường Đại học Tân Trào	Sư phạm	560	374E14.9
28	Trường PTTH dân tộc nội trú tỉnh	Nội trú	250	473E14.1
29	Trường Chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	250	474E14.9
30	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Phú An	250	472 E14.7
31	Phòng Khám đa khoa 153	Bệnh viện lao	320	472 E14.9
32	Sở Ngoại vụ	Cầu 14	250	474 E14.1
		Bảo Việt	400	473E22.1
33	Chi cục Quản lý thị trường	Cục Quản lý thị trường	100	372 E14.9
34	Trung tâm hành chính công tỉnh	Phòng Cảnh sát giao thông	400	472 E14.9
35	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen	Trường y	320	471 E14.9
36	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	Bệnh viện suối khoáng	800	372E14.1
37	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	Tổ 14 Tân Hà	400	471E14.9
38	Trại tạm giam - Công an tỉnh Tuyên Quang	Trại giam	250	474E14.9
39	Trại giam Quyết Tiến	Trại giam K2	320	373E14.1
40	Bệnh viện Y Dược cổ truyền Hà Giang	Trường CĐ Nghề	630	476E22.1

41	Bệnh viện Phổi Hà Giang	Viện lao	320	474E22.1
42	Bệnh viện mắt Hà Giang	Tổ 10 Minh Khai	250	473E22.1
43	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Tỉnh ủy	560	473E22.1
		Sở Tài chính	500	476E14.9
44	Phòng Cảnh sát giao thông	Công an Yên Sơn	180	374E14.9

Ghi chú: E14.1 (trạm 110kV Tuyên Quang), E14.2 (trạm 110kV Chiêm Hóa), E14.3 (trạm 110kV Sơn Dương), E14.7 (trạm 110kV KCN Long Bình An), E14.9 (trạm 110kV Gò Trầu), E14.11 (trạm 110kV Hàm Yên), E14.12 (trạm 110kV Na Hang), E22.1 (trạm 110kV Hà Giang).

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN CUNG CẤP ĐIỆN KHI HỆ THỐNG
ĐIỆN QUỐC GIA THIẾU NGUỒN ĐIỆN

((Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang))

Phương án điều hòa, tiết giảm điện (dự kiến) khi sản lượng điện được phân bổ năm 2026

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
1	10	45	Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quản Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Nam Sơn lộ 373E22.3	Toàn bộ xã Hồ Thầu mới
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khậu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lò, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trình	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trình - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đor, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nâu Mo, Tín Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dàn, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếu, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luê, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coòng, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thể, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chán, Hạ Đồng, Khuân Nhát, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hòa An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2				Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hòa An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Năm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pông 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pông, Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuôn Trú, Vĩnh An, Cầu Cả, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hòa An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
		45	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Tà Lùng lộ 373E22.7	Các thôn: Há Đề A, Đợ Súng, Há Súng, Sảng Ma Sao, Há Chúa Lá, Đề Lia, Súng Lùng, Khó Thông - Xã Đồng Văn
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Lãng, Nia Do, Tò Đú, Sán Tở - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Tà Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tà Phìn A, Tà Phìn B, Khó Già, Xà Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chẽ, Sính Lùng, Sà Tùng Chứ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chăng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hòa, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uỗm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phườn, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bàu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bư, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thảng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
	45		Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chiu, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đán Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiên, Sán Chải, Sung Lậm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dân) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Khuổi Bon lộ 374E22.1	Thôn Khuổi Bon, Khâu Lừa, Lũng Càng, Lũng Hào Xã Minh Ngọc
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân Quang
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chấm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiền Phong, thôn Thía, thôn Mô Ché, thôn Lũng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đông Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi , thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Long Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
1	15	67.5	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Lằng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tản Khẩu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tìi Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Lũng lộ 373E22.7	Các thôn: Há Đề A, Đợ Súng, Há Súng, Sảng Ma Sao, Há Chúa Lá, Đề Lia, Súng Lũng, Khó Thông - Xã Đồng Văn
			Nhánh Viba Yên Minh	Xã Yên Minh
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tàng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mờ, bản Bon, bản Bốc, Khau Cau, Nà Khậu, Tát

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Cò, Lũng Giềng, Nà Lò, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thêm, Nà Đor, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nậu Mo, Tân Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dàn, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tổng Trang, Quang Hải, Bình Thề, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diềng, Chấn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rền 1, Làng Rền 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rền 1, Làng Rền 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Tùm, Thôn Lăng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Dầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang , Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lăng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Khuôn Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh,xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh, Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiều, thôn Đồng Khuôn,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2				thôn Gia Cát, thôn Lãng Nhiều, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiều xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Tấu, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương, Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ; Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
		67.5	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vài, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Nam Sơn lộ 373E22.3	Toàn bộ xã Hồ Thầu mới
			Nhánh Bản Páo lộ 373E22.3	Một phần xã Nậm Dịch
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hố, Thác Lường, Đồng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Lường, Đồng Vầu, Đồng Cỏm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Họ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Cỏm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Lăng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Lăng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hạp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nậm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhâm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Tháng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Rông, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dải, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cậ, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bèn 2, thôn Đồng Bèn 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cã, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3	67.5			Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Gốc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương, Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Pồ Hà 1, Pồ Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lặm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Ty Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thẩm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bò lộ 472E22.1	Xã Cao Bò, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vải, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dững Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dững Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sông, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân,xã Sơn Thủy
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7,tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộc A, An Lộc B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiện Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
1	20	90	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khài, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tà Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Tràng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buộc, Khau Cau, Nà Khậu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lóa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thêm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Góc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lụng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiệng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thăm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Báy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coòng, Khuổi Pâu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diềng, Chân, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bục, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cã, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tăng, Làng Cuồng, Làng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Cháp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liễu, thôn Lầm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Ngõi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhân Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Góc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương; Thôn Đồng Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đồng Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ; Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lương Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
		90	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Họ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Họ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chẽ xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chẽ, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chẽ, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chẽ, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Trầm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bôi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bàu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nội, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bư, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thảng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Rồng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bấu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cây, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phây, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
3		90	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chiu, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỏ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dăn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mỏ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quản Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chẽ, Sính Lũng, Sà Tùng Chứ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyền sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiền Phong, thôn Thia, thôn Mỏ Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bòng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi , thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lộì, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao,xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trai Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân,xã Sơn Thủy
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7,tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộ, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
1	25	112.5	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khải, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tân Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Lả, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Táng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thắm, Nà Đor, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Cồ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nâu Mo, Tín Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Mọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dàn, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếu, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đâng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bầy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vinh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đàng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vinh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diêng, Chán, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Túm, Thôn Lăng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hoi, Thôn Khuôn Pồng, Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cá, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Dầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lăng Cuông, Lăng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lăng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Khuôn Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liễu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân, thôn Vi Lãng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiều, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lãng Nhiều, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiều xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táu, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhân Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mừng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
2		112.5	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bàu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hợp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thảng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Đất - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ, Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bấu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mần, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Mìn, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
3		112.5	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiêu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chiu, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lùng Tráng, Lùng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nắm Ngà, Nắm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trỏ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lạm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				(Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mờ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dân) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chề, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đơn, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiền Phong, thôn Thía, thôn Mỏ Ché, thôn Lũng Búng xã Tân Trào

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộc A, An Lộc B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
1	30	135	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tân Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Lả, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chè, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Táng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mờ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giếng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thắm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yêng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lụng, Bắc Muối, Nà Ngân, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đăm Hồng 3, Đăm Hồng 2, Đăm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bãy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đàng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coòng, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đung, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chấn, Hạ Đồng, Khuân Nhát, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lăng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hoi, Thôn Khuôn Pồng, Thôn Khuôn Nhò, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Dầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lăng Cuông, Lăng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắt, Lăng Quây, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Èn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tề, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lực Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tề, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tề, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vẽ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tề, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẫy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Bấu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lãng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Tháng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hốp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liễu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đồng Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lãng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lãng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Tấu, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2				Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lương Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
		135	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vài, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khả, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Èn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lực Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vẽ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tề, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Bấu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lãng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thág 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mỏ Ché, thôn Lũng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kề, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sông, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kề Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kề - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mắt Rồng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dải, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bèn 2, thôn Đồng Bèn 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương.

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3				Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Mìn, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cản, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Tràng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
		135	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chừ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bán Giang, Bán Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chừ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhâu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nắm Ngà, Nắm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lặm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nắm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nắm Dân) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mố
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chừ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chề, Sính Lũng, Sà Tùng Chừ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẽ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuôi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuôi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thành, Phiêng Mờ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giếng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yêng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Châm, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đâng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đẳng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thề, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diềng, Chàn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhàm Ngoan, Nà Ném, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cã, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuồng, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đồng Thọ	Khu vực xã Đồng Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pén, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bòng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiên, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thê, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rập, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7,tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Tràng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Tràng Đà - LBS 471 Thiện Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
1	35	157.5	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tấn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Lãng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tân Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Lãng, Nia Do, Tò Đú, Sán Tở - Xã Mèo Vạc

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 372/68 lộ 372E22.3	Xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên, xã Hùng An
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quân Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẽ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buộc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thêm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dần	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lụng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Mọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dần, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thăm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vải, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dần	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dần, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Báy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luè, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coòng, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bán Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diềng, Chán, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phố Vèn, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giảo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bư, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắt, Lãng Quây, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái Ninh Xã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hố, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Cóm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khơn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quần, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vẽ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bấm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nội, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thảng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộc A, An Lộc B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiển Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiển Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
		157.5	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vài, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khải, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân Quang
			Phân đoạn MC 377/66 - LBS 377/227 lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Lũng Phìn, Sùng Máng; Thôn Há Pia - Xã Yên Minh; Thôn: Ly Chử Phìn, Giàng Giáo Lũng, Lò Lữ Phìn - Xã Sà Phìn; Thôn: Tả Lũng A, Tả Lũng B, Há Chế, Há Súa, Lũng Vải, Phố Mỹ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.3	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tìu Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chử - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sà Tùng Chử - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lôu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thía, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thát, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phở Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vinh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phú, thôn Tân Quang, thôn Ba Quan, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngồi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hội Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Rí, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Lăng Du, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đồng Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Lăng Hào, thôn Lăng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3		157.5		Mình, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Vân Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dải, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cây, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mản, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiện Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lạm) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
		157.5	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhìu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Pố Hà 1, Pố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tả, Cạp Tả, Cạp Tả, Cốc Cãi, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhầu, Đông Thang, Hố Sán, Hồ Thầu, Lùng Tráng, Lùng Vai, Ma Lý Sán, Na Mờ, Nấm Ngà, Nấm Tả, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lặm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lùng Vai, Lùng Cầu, Thăm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lùng Mỏ, Lùng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tả, Mã Chê, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lùng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyền sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Láng, Nĩa Do, Tò Đú, Sán Tớ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tấn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Lằng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tấn Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pòng, nà Chê, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuôi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuôi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thành, Phiêng Mờ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khâu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giếng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yêng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Châm, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đâng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Báy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đẳng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Diềng, Chàn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bục, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhàm Ngoan, Nà Ném, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cã, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuồng, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chẽ xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tuần, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nội, Lăng Đán, Nậm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thág 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
4	157.5			Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
		157.5	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khài, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Bán Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Viba Yên Minh	Xã Yên Minh
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nậm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phì
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhìu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Pồ Hà 1, Pồ Hà 2, Bán Giang, Bán Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhầu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Nà Mỡ, Nậm Ngà, Nậm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trỏ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiên, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nậm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nậm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chẽ, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.3	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tỉa Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Lũng lộ 373E22.7	Các thôn: Há Đê A, Đợ Súng, Há Súng, Sáng Ma Sao, Há Chúa Lá, Đê Lia, Súng Lũng, Khó Thông - Xã Đồng Văn
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đơn, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiên, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thái Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quan, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bàu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Dộc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh, Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhân Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đồng Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đồng Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đồng Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mắt Rồng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Vân Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Ám Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cây, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Gốc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thi, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mản, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộc A, An Lộc B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tư Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cỏ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cỏ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
1	40	180	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khài, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tấn, Nà Vuông, Bản Duốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tỉnh, Bản Nưa, Tấn Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tìu Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tìu Chí Dừa, Tìu Chí Đơ, Cá Ha, Đẻ Láng, Nìu Do, Tò Đú, Sán Tớ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Viba Yên Minh	Xã Yên Minh
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 372/68 lộ 372E22.3	Xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên, xã Hùng An
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nậm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phì
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pồng, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Táng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khậu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yếng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiệng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếu, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đăm Hồng 3, Đăm Hồng 2, Đăm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đâng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bậy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vinh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đấng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coòng, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vinh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điểng, Chấn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhau, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhau, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Tùm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhò, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lé, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang , Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lăng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bảy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chăng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bảy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chăng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bảy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lãng Chăng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bảy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẫy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lãng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhâm, Nghiệu, Bưa, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thág 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đèn Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bòng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bám	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiên, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thê, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuôn, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thát, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thái Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuôn Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hội Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đồng Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh, Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bảo, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Tron, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
2				Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cậ, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cỏ, thôn Phúc Vương, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cây, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mợ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mán, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
		180	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khải, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân Quang
			Phân đoạn MC 377/66 - LBS 377/227 lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Lũng Phìn, Sùng Máng; Thôn Há Pia - Xã Yên Minh; Thôn: Ly Chử Phìn, Giàng Giáo Lũng, Lò Lữ Phìn - Xã Sà Phìn; Thôn: Tả

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Lũng A, Tả Lũng B, Há Chẽ, Há Súa, Lũng Vải, Phồ Mỹ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.3	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tỉa Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xả Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chẽ, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (2 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẽ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Táng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buộc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lòa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thêm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Góc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiệng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thăm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chinh, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chủ, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chán, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhau, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhau, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Năm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pông 2, Thôn Khuổi

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hỏi, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Ném, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cã, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đâu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang , Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuồng, Lãng Khán, Đồng Bá, Càng Nộc, Cây La, Gia Kề, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mô Nghiêu, thôn 2 Mô Nghiêu, thôn 3 Mô Nghiêu, thôn 4 Mô Nghiêu, thôn 2 Thuốc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chăng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợ Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẽn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hạp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nậm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Tháng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dắt	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dắt - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Binh	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
3		180	Nhánh Vinh Hào lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vinh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chiu, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trỏ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiên, Sán Chải, Sung Lặm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dân) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sà Tùng Chứ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Lăng, Nỉa Do, Tò Đủ, Sán Tở - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tấn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nua, Tấn Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Phân đoạn từ MC 373/58 - MC 373/164 lộ 373E22.7	Tất cả xã Phó Bảng; Các thôn: Lũng Sính, Lũng Cầm, Lao Sa, Sùng Là Dưới, Sùng Là Trên, Pù Trừ Lũng, Sáng Ngải, Mo Pải Phìn, Tả Lũng A, Tả Lũng B, Sáo Lũng, Sáng Tùng A, Sính Thầu - xã Sà Phìn
			Đường dây từ MC 371/31 Nấm Dẩn - MC 371 Khâu Lầu lộ 371E22.36	Các thôn Thính Tăng, Đán Khao (thuộc xã Pả Vây Sủ) Cốc Độ, Cốc Cộ, Cốc Cang, Cốc Cam, Cùm Phinh, Đoàn Kết, Gỉ Thàng, Lũng Cầu, Lũng Phinh, Lùn Pô, Hạ Sơn, Lũng Mờ, Nấm Chanh, Nấm Chiến, Nấm Lu, Ngam Lâm, Thống Nhất, Vai Lũng,(thuộc xã Nấm Dẩn) , thôn Khâu Lầu, Nà Lạn (thuộc xã Khuôn Lũng) thôn Nậm Là, Nậm Cương (thuộc xã Quảng Nguyên)
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đèn Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đơn, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Năng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Năng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trám, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thê, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dững Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phô Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuôn Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bàu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Rì, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Dộc Vầu, thôn Đôn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Rì, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh, Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Góc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hào, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cận, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cỏ, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lẹm, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lương Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lẹm) phường An Tường

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Tràng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
1	45	202.5	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luông, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Duốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tản Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tìu Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tìu Chì Dừa, Tìu Chì Đơ, Cá Ha, Đề Làng, Nìu Do, Tò Đú, Sán Tớ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Viba Yên Minh	Xã Yên Minh
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 372/68 lộ 372E22.3	Xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên, xã Hùng An
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quản Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nậm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phì
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Pồ Hà 1, Pồ Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chiu, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhầu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiên, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tý Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dăn) tỉnh Tuyên Quang,
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pồng, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Bốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lò, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Góc Sáu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dăn	Khu vực các thôn Cổ Yềng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Châm, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bãy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tô dân phố Vinh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đẳng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quăng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vinh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vinh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vinh Bảo, Soi Đúng, Tổng Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chăn, Hạ Đồng, Khuân Nhát, Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Tùm, Thôn Lăng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng, Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trình	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tùm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lăng Cuông, Lăng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kề, Đèo Chắp, Lăng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Họ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Họ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ờn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ờn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Luồng Xã Thái Hoà, Lực Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quang, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bôi, Thôn Vá,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Đêm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Èn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nội, Lãng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bưa, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Tháng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nấc Con 1, Thôn Nấc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liễu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bầu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hòi Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh, Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Không, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đồng Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đồng Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ Thôn Khuôn Lân xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bấu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cậ, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mản, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Mìn, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lương Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Binh	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lương Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM xi măng Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
2		202.5	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bàn Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bàn Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khả, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân Quang
			Phân đoạn MC 377/66 - LBS 377/227 lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Lũng Phìn, Sùng Máng; Thôn Há Pía - Xã Yên Minh; Thôn: Ly Chử Phìn, Giàng Giáo Lũng, Lò Lữ Phìn - Xã Sà Phìn; Thôn: Tả Lũng A, Tả Lũng B, Há Chế, Há Súa, Lũng Vải, Phổ Mỹ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.3	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tìu Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sà Tùng Chứ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (2 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Vība Yên Minh	Xã Yên Minh
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nậm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phi
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Cóm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hóp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhâm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thảng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đồng Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mỏ Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bòng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thê, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Dộc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tắt, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lãng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lãng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Dộc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đồng Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đồng Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đồng Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Rông, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cà, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu, xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tấu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3				Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiềm Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM xi măng Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
	202.5		Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhẫu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỡ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trỏ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tý Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỡ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tinh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Lăng, Nĩa Do, Tò Đủ, Sán Tớ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tẩn Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Phân đoạn từ MC 373/58 - MC 373/164 lộ 373E22.7	Tất cả xã Phó Bảng; Các thôn: Lũng Sính, Lũng Cầm, Lao Sa, Sùng Là Dưới, Sùng Là Trên, Pù Trừ Lũng, Sáng Ngải, Mo Pải Phìn, Tả Lũng A, Tả Lũng B, Séo Lũng, Sáng Tùng A, Sính Thầu - xã Sà Phìn
			Đường dây từ MC 371/31 Nấm Dẩn - MC 371 Khâu Lầu lộ 371E22.36	Các thôn Thính Tăng, Đán Khao (thuộc xã Pà Vây Sủ) Cốc Độ, Cốc Cộ, Cốc Cang, Cốc Cam, Cùm Phinh, Đoàn Kết, Gi Thàng, Lũng Cầu, Lũng Phinh, Lùn Pô, Hạ Sơn, Lũng Mờ, Nấm Chanh, Nấm Chiến, Nấm Lu, Ngam Lâm, Thống Nhất, Vai Lũng,(thuộc xã Nấm Dẩn) , thôn Khâu Lầu, Nà Lạn (thuộc xã Khuôn Lũng) thôn Nậm Là, Nậm Cương (thuộc xã Quảng Nguyên)
			Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tản, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tàng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khậu, Tát Nga, xã Lâm Bình

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lồa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thém, Nà Đor, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Cỗ Yểng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khán, Phú Linh, Nâu Mo, Tìn Kéo, Nà Héc, Nà Lụng, Bắc Muối, Nà Ngân, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tồng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dàn, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vín, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thảm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tồng Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chủ, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chấn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rền 1, Làng Rền 2, Tông Nhậu, Làng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rền 1, Làng Rền 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pông 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pông , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mỏi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang , Thôn Thác Lua, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pén, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiền Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lũng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bòng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thề, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi , thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lội, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phò Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuôn Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phụ, thôn Tân Quang, thôn Ba Quan, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hôi Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đông Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhân Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Văn, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đồng Thịnh xã Sơn Dương.

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mắt Rồng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dải, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bèn 2, thôn Đồng Bèn 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mán, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lẹm, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiền Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
1	50	225	Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khài, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bản Tẩn, Nà Vuông, Bản Đuốc, Bản Làng xã Bắc Mê; Thôn Bản Tính, Bản Nưa, Tản Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bản Khun, Cùm Nhùng, Bản Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.7	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 373E22.27	Lò Luyện chì - KCN Bình Vàng xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang (lò 1)
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đor, Cá Ha, Đề Lãng, Nia Do, Tò Đú, Sán Tở - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Viba Yên Minh	Xã Yên Minh
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 372/68 lộ 372E22.3	Xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên, xã Hùng An
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nậm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phi
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Pồ Hà 1, Pồ Hà 2, Bản Giang, Bản Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cái, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhầu, Đông Thang, Hố Sán, Hồ Thầu, Lùng Tráng, Lùng Vai, Ma Lý Sán, Na Mờ, Nậm Ngà, Nậm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trồ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lùng Vai, Lùng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nậm Pé, Lùng Mờ, Lùng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nậm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh rẽ Đường Hồng lộ 374E22.1	Các xã Yên Cường, Đường Hồng tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh rẽ Đồn 219 lộ 379E22.36	Các thôn; Tà lượt, Na Sai, Pồ Cồ, Lùng Cháng, Quán Thèn, Khâu Tinh 1, Khâu Tinh 2, Sán Cồ Sủ, Bản Phố, Nàn Hái, Khờ Chà Ván, Hồ Mù Chải, Hậu Cầu, Hồ Sáo Chải, Suôi Thầu, Xín Mần, Lao Pờ, Quán Dịu Ngải, Hậu Cầu, Mốc 5, Tả Mù Cán, Suôi Thầu, Chúng Chải, xà Chải, Ma Gi Vàng, Péo Suối Ngải, (Thuộc xã Xín Mần) (thôn Xi Khả Lá thuộc xã Pà Vây Sủ) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh rẽ Phố Cáo lộ 373E22.7	Các thôn: Cháng Phúng A, Cháng Phúng B, Chúng Pá A, Chúng Pá B, Hẩu Chúa Ván, Sảng Pá, Tả Tò, Suối Thầu - xã Phó Bàng
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pồng, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Ấm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hàng và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Buộc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giềng, Nà Lồa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thắm, Nà Đor, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yêng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vài, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lụng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Châm, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đăm Hồng 3, Đăm Hồng 2, Đăm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bãy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tổng Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Góc Chủ, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chấn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Làng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rùng, Tho, Nặm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Thảng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pông 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pông , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ải, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lá, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pông, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mỏi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Làng Chang , Thôn Thác Lua, Nà Tàng, Lãng Cuông, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chăng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quận, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vệ, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tẻ, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nam, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đềm, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hốp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhâm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thág 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dầm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niềng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cà xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thía, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kế Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kế - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thát, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thê, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thất, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liễu, thôn Lâm, thôn Vinh Sơn, thôn Tân Tiến, Đồng Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phú, thôn Tân Quang, thôn Ba Quan, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bấu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hội Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đồng Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Rì, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nửa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhân Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Gốc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mừng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Vãn, thôn Vãn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Tron, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Văn Thành, thôn Thượng Ấm xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dải, thôn Ấm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cậ, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cả, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cây, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lẹm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sáo, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mản, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Min, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Rạp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lẹm, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộc A, An Lộc B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiên Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lương Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cổ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cổ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
2		225	Nhánh Bình Long lộ 372E22.3	Xã Hùng An, xã Vĩnh Tuy, xã Đồng Yên
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Phú Linh lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh và toàn bộ xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang
			Lộ 378E22.27	Thôn Làng Trần xã Vị Xuyên; Thôn Lũng Loét, Tân Lập, Nậm Thanh, Khuổi Vải, Khuổi Khả, Ngọc Thượng, Nà Qua, Tân Phong, Nậm Đăm, Ngọc Quang xã Linh Hồ; xã Bạch Ngọc - tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Giáp Trung lộ 374E22.1	Xã Giáp trung - Tuyên Quang
			Nhánh Minh Sơn lộ 374E22.1	Xã Minh Sơn
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đồng Tâm lộ 373E22.3	Xã Đồng Tâm và 1 phần khách hàng xã Tân Quang
			Phân đoạn MC 377/66 - LBS 377/227 lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Lũng Phìn, Sùng Máng; Thôn Há Pía - Xã Yên Minh; Thôn: Ly Chữ Phìn, Giàng Giáo Lũng, Lò Lủ Phìn - Xã Sà Phìn; Thôn: Tả Lũng A, Tả Lũng B, Há Chẽ, Há Súa, Lũng Vải, Phổ Mỹ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Lũng Táo lộ 373E22.3	Các thôn: Nhù Sang, Cá Ha, Lũng Táo, Má Là, Tia Súng - Xã Lũng Cú
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xả Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chẽ, Sính Lũng, Sà Tùng Chứ - Xã Sà Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (2 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Kim Thạch lộ 474E22.1	Một phần xã Phú Linh, tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Nhánh Vibra Yên Minh	Xã Yên Minh
			Nhánh Yên Hà lộ 371E22.3	Một phần Các xã Xuân Giang, Tiên Yên, Bằng Lang
			Phân đoạn LBS 373/99 - MC 373/159 Tân Quang lộ 373E22.3	Xã Các Nặm Dịch; Hồ Thầu; một phần của xã Thôn Nguyên và một phần của xã Hoàng Su Phi
			Nhánh rẽ Thanh Thủy lộ 373E22.1	Toàn bộ xã Thanh Thủy và xã Lao Chải, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh rẽ Bản Ngà lộ 372E22.1	Thôn Bản Ngà, một xã Minh Tân, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh rẽ Chế Là lộ 371E22.1	Các thôn; Cốc Độ, Cốc Cộ, Cốc Cang, Cốc Cam, Cùm Phình, Đoàn Kết, Gì Thàng, Lũng Cầu, Lũng Phình (thuộc xã Nậm Dân)
			Nhánh rẽ Thượng Sơn lộ 371E22.1	Xã Thượng Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chê, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghịu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đưa, Khuổi Nạn, Bản Ấm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Tâng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phây, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mờ, bản Bon, bản Buốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giếng, Nà Lóa, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nặm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiến	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thêm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sáu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yêng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khàn, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngân, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Châm, Khuổi Chia,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thông Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dàn	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dàn, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đắng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiên Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pậu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quảng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiễn, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chăn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Làng Mỏ, Chắt Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2, Tông Nhậu, Lãng Hối, Tông Muông, Chắt Hạ, Làng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phia Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lãng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Phiêng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng, Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trinh	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Làng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Làng Lạc, Nà Coóc, Làng Ngõa, Nà Lả, Làng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chắt, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lãng Lẻ, Thôn Ôn Cáy, Thôn Tông Lùng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuôn Trú, Vĩnh An, Cầu Cỏ, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Làng Mỏi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Làng Đầu, Thôn Khuôn Hang, Thôn Làng Chang, Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lãng Cuồng, Lãng Khán, Đồng Bả, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lãng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Làng Bực, Lãng Luông, An Phong, An Phú, Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc, Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khờn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chăng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khờn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luồng Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợ Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẻn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẻn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẻn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Đém, Cuôm, Khau Làng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bầu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ẻn, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hạp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bản Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nậm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhâm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Tháng 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lực Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lực Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lực Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chằm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đông Thọ	Khu vực xã Đông Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cọ, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuôn Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lâu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiền Phong, thôn Thia, thôn Mỏ Ché, thôn Lũng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kề, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kề Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kề - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng Khuôn, thôn Trần Kiên, thôn Lý Sứ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thế, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuôn, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi , thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kề	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kề, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân , thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thắt, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phố Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d sau MC 373 Tiến Bộ	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, Thôn Gia, thôn Ráp, thôn Trung tâm, Thôn Thống Nhất, thôn Đèo Tượng, thôn Cả, thôn Ngòi Cái, thôn Ngòi Cái, thôn Bình Ca xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Cầu Mán - MC 373 Quyết Tiến	Thôn Tân Biên 1, Tân Biên 2, xã Thái Bình
			Đ/d từ MC 373 Phúc Lộc - MC 373 ATK - MC 373 Cầu Mán	tổ dân phố Chanh 1, tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 373 Xóm Chanh - MC 375 Xi Măng Tân Quang	thôn Đồng Lem, tổ dân phố (Thúc Thủy, Phúc Lộ A, Phúc Lộ B, Bình Ca, An Lộ A, An Lộ B, An Phúc) phường An Tường
			Đ/d từ MC 373 E14.1 - MC 373 Phúc Lộc	tổ dân phố Kim Phú (5,6,7,8) phần phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 372 Giếng Tanh	Tổ dân phố (Tứ Lưu, Nghiêm Sơn, Yên Lộc, Chè Đen 1, Chè Đen 2, Yên Thái, Núi Cây, Yên Mỹ 1, Yên Mỹ 2, Tân Quang, Yên Khánh) phường An Tường
			Đ/d sau MC 372 Hoàng Khai	tổ dân phố Mỹ Lâm (3,4,5) phường Mỹ Lâm.
			Đ/d sau MC 372 Phú Lâm	tổ dân phố phường An Tường, Tổ dân phố 11, 12, 13 kim phú phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 E14.1 – MC 372 Hồ Km6 Kim Phú	tổ dân phố Mỹ Lâm (1,2,3,4,5) phường Mỹ Lâm
			Đ/d từ MC 372 Hồ Km6 Kim Phú – MC 372 VinGroup	Tổ dân phố Trảng Đà (3,4,5,6,7,8) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 471 Trảng Đà - LBS 471 Thiện Viện	Tổ dân phố (8,9,10,11) phường Nông Tiến
			Đ/d từ MC 473 Soi Lâm – LBS 471 Thiện Viện	Tổ dân phố Kim Phú (1,2,3,4) phường Minh Xuân
			Đ/d sau MC 474 Tân Phát	Tổ dân phố Trung Môn (1, 2, 3, 4,5) phường Minh Xuân, xã Yên Sơn
			Đ/d sau MC 474 Ninh Thuận	Tổ dân phố Trung Môn (4,5,6) phường Minh Xuân,
			Đ/d sau MC 474 cầu số 6	phường Minh Xuân, 1 phần xã Yên Sơn
			Đ/d từ MC471 E14.9 - MC 471 Lưỡng Vượng - MC 472 Chè Tám	Tổ dân phố Chè 8 phường An Tường
			Đ/d sau MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố Trường Thi A, Trường Thi B phường An Tường
			Đ/d từ MC474 Cỏ Ngựa - MC 474 Cầu Móc Giăng - MC 474 Trường Thi	Tổ dân phố (Cỏ Ngựa, Đồng Lem) phường An Tường
			Đ/d sau MC 471 Thăng Long	tổ dân phố Núi cây phường An Tường
			Đ/d sau MC 371 E14.7	NM Luyện Kim, Cty Tây Đô phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 373 E14.7 - MC 373 An Hòa	Tổ dân phố Đội Cấn (1, 2) phường Bình Thuận,
			Đ/d từ MC 375 E14.7 - MC 371 E14.1	Tổ dân phố Song Lĩnh, Liên Thịnh, Chè 8, Chè 6 phường An Tường
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
3				KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quảng Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận
		225	Nhánh Vĩnh Hảo lộ 372E22.3	Xã Hùng An và 1 phần khách hàng xã Vĩnh tuy
			Phân đoạn Trung Thịnh - Tả Nhiêu lộ 379E22.36	Các thôn Đông Chứ, Phố Hà 1, Phố Hà 2, Bán Giang, Bán Rang, Cạp Tà, Cạp Tà, Cốc Cáo, Cốc Chứ, Cốc Đông, Cốc Mui, Cốc Pú, Cốc Rế, Đản Rạc, Đông Nhầu, Đông Thang, Hồ Sán, Hồ Thầu, Lũng Tráng, Lũng Vai, Ma Lý Sán, Na Mỏ, Nấm Ngà, Nấm Ta, Nàng Cút, Nàng Vạc, Ngải Thầu, Ngải Trỏ, Pạc Phai, Pạc Thay, Pạc Tiến, Sán Chải, Sung Lắm, Ta Hạ, Ta Thượng, Tòng Táo, Tỷ Phàng, (Thuộc xã Trung Thịnh, tỉnh Tuyên Quang) các thôn Na Van, Na Ri, Lũng Vai, Lũng Cầu, Thảm Giá, Na Hu, Cốc Cang, Nấm Pé, Lũng Mỏ, Lũng Cháng, Vai Lũng, Đoàn Kết, Na Lan, (thuộc xã Nấm Dẩn) tỉnh Tuyên Quang,
			Nhánh Cao Bồ lộ 472E22.1	Xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Bạch Đích lộ 371E22.7	Xã Bạch Đích Xã Thắng Mổ
			Nhánh Thanh Vân lộ 372E22.1	thôn bảo an , Thượng Sơn thuộc xã Quán Bạ và các Xã Tùng Vài, Nghĩa Thuận
			Nhánh Tả Phìn lộ 373E22.7	Các thôn: Tả Phìn A, Tả Phìn B, Khó Già, Xã Tùng Chứ - Xã Đồng Văn. Thôn: Lá Tà, Mã Chè, Sính Lũng, Sả Tùng Chứ - Xã Sả Phìn
			Nhánh Mậu Long lộ 377E22.7	Xã Mậu Duệ
			Nhánh Tân Tiến lộ 379E22.36	Toàn bộ Xã Tân Tiến mới
			Nhánh Pờ Ly Ngải lộ 379E22.36	Xã Pờ Ly Ngải mới
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh Đông Hà lộ 372E22.1	Xã Lũng Tám
			Fero Ban Mai lộ 372E22.27 (1 dây chuyên sản xuất)	Khu Công nghiệp Bình Vàng xã vị Xuyên Tỉnh Tuyên Quang
			Đường dây sau MC 476/31 lộ 476E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và toàn bộ xã Ngọc Đường, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Thông Nguyên lộ 373E22.3	Xã Thông Nguyên và một phần của xã Tiên Nguyên,
			Nhánh Niêm Sơn lộ 377E22.7	Tất cả các xã: Khâu Vai, Tát Ngà, Niêm Sơn; Các thôn: Tia Chí Dừa, Tia Chí Đơ, Cá Ha, Đề Lăng, Nĩa Do, Tò Đủ, Sán Tớ - Xã Mèo Vạc
			Nhánh Tùng Bá lộ 372E22.1	Toàn bộ xã Tùng Bá và một phần xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh Yên Phong lộ 374E22.1	Thôn Thanh Tâm, Bán Tấn, Nà Vuông, Bán Duốc, Bán Làng xã Bắc Mê; Thôn Bán Tỉnh, Bán Nưa, Tấn Khâu xã Đường Hồng
			Nhánh Yên Cường lộ 374E22.1	Thôn Nà Khảo, Bán Khun, Cùm Nhùng, Bán Nghè, Phiêng Luông, Phiêng Đáy xã Yên Cường

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Phân đoạn từ MC 373/58 - MC 373/164 lộ 373E22.7	Tất cả xã Phó Bảng; Các thôn: Lũng Sinh, Lũng Cầm, Lao Sa, Sùng Là Dưới, Sùng Là Trên, Pù Trừ Lũng, Sáng Ngải, Mò Pải Phìn, Tả Lũng A, Tả Lũng B, Séo Lũng, Sáng Tùng A, Sinh Thầu - xã Sà Phìn
			Đường dây từ MC 371/31 Nậm Dẩn - MC 371 Khâu Lầu lộ 371E22.36	Các thôn Thính Tăng, Đán Khao (thuộc xã Pà Vây Sủ) Cốc Độ, Cốc Cộ, Cốc Cang, Cốc Cam, Cùm Phinh, Đoàn Kết, Gì Thành, Lũng Cầu, Lũng Phinh, Lùn Pô, Hạ Sơn, Lũng Mỡ, Nậm Chanh, Nậm Chiến, Nậm Lu, Ngam Lâm, Thống Nhất, Vai Lũng,(thuộc xã Nậm Dẩn) , thôn Khâu Lầu, Nà Lạn (thuộc xã Khuôn Lũng) thôn Nậm Là, Nậm Cương (thuộc xã Quảng Nguyên)
			Nhánh Quang Thành lộ 374E22.3	Xã Bằng Hành, xã Liên Hiệp
			Nhánh Trung Thành lộ 371E22.1	Khách hàng khu vực thôn 30, 31, Thôn Suối Đồng thuộc xã Vị Xuyên; Khách hàng thôn Đội 5, Trung Sơn, Ngọc Hà, Bản Tàn, Thôn Đồng, Thôn Chang, Dương Minh Thành, Khuổi Lác, Khuổi Khai, Thủy Lâm, Hai Luồng, Thôn Táng, Cốc Héc, Thôn Cuôm thuộc Xã Linh Hồ, tỉnh Tuyên Quang.
			Nhánh Bản Yên lộ 371E22.3	Một phần xã Bằng Lang và xã Tiên Yên, Xuân Giang
			Nhánh Lũng Hồ lộ 375E22.7	Xã Đường Thượng, Ngọc Long, Du Già
			Nhánh rẽ Suối Tiên lộ 471E22.1	Một phần phường Hà Giang 2 và thôn Hoàng Lý Pả, xã Minh Tân, tỉnh Tuyên Quang
			Nhánh rẽ Chiến Phố lộ 379E22.36	Toàn bộ xã Bản Máy
			Nhánh rẽ Pó Lồ lộ 379E22.36	Toàn bộ xã Thàng Tín
			Nhánh rẽ Bản Ngò lộ 371E22.36	Các thôn; Táo Hạ , Táo Thượng, Thắng Lợi, Nậm Phàng, Chũ Chải, Xín Chải, Đoàn Kết, Nà Lũng, Nà Lý, thuộc xã Pà Vây Sủ, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thượng Nông	Khu vực xã Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Côn Lôn	Khu vực xã Côn Lôn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Va	Khu vực các thôn Bản Thác, Bản va, Nà Pầu, Khau Pông, nà Chẻ, Nà Luông, Cốc Khuyết, Phiêng Nghiu, xã Yên Hoa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hồng Thái	Khu vực các thôn Nà Đứa, Khuổi Nạn, Bản Âm, Bản Thốc, Nà Đông, Bản Táng, Nà Kiếm, Khau Trảng, Nà Mụ, Khuổi Phầy, xã Hồng Thái, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Bản Dạ	Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Vĩnh Yên	Thôn Nà Mỏ, một phần thôn 2, xã Nà Hang và Khu vực các xã Yên Hoa, Côn Lôn, Hồng Thái, Thượng Nông, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Nà Muông	Các thôn Nà Vàng, Nà Ráo, xã Thượng Lâm và các thôn Khau Quang, Bản Thàng, Phiêng Mơ, bản Bon, bản Bốc, Khau Cau, Nà Khẩu, Tát Nga, xã Lâm Bình
			Đ/d sau MC 375 Xuân Lập	Các Thôn Phai Tre, Nà Co, Lũng Giếng, Nà Lò, Khuổi Trang, Khuổi Củng xã Lâm Bình Tỉnh Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d sau MC 372 Hồng Quang	Khu vực các thôn, Nà Chúc, Pooi, Nà Nghè, Lung Luông, Lũng Ngang, Nậm Lương, Khuổi Xoan, Bản Tha, Thượng Minh, xã Minh Quang
			Đ/d từ MC 372 Đèo Lai - MC 372 Nà Trinh	Khu vực xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Nà Trinh - MC 375 Bản Khiển	Khu vực xã Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Lung - MC 375 Khuân Hà	Các thôn Nà Trang, Nà Thắm, Nà Đơ, Thượng Lâm và Khu vực xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Gốc Sấu - MC 375 Nà Lung	Khu vực xã Thượng Lâm, Lâm Bình, Bình An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.12 - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Cổ Yểng, Bắc Danh, Nà Cooc, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Yên Lập	Khu vực các thôn Phú Lâm, Nà Vải, Bản Man, Bản Khản, Phú Linh, Nâu Mo, Tin Kéo, Nà Héc, Nà Lũng, Bắc Muối, Nà Ngạn, Bắc Cá, Khuân Khương, Cốc Táy, Tổng Moọc, Nà Dầu, Nhật Tân, Liên Kết, Nà Tiêng, Đầu Cầu, Đài Thị, Bản Dân, Minh Quang,, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Ngọc Hội	Khu vực các thôn Làng Đài 1, Làng Khây 1, Khun Vin, Khun Cúc, Nà Chám, Khuổi Chia, Làng Thắm, Khun Mạ, Bản Vả, Nà Khả, Khau Tầm, Nà Bó, Nà Lung, Thống Nhất, Đoàn Kết, Bản Ho, Nà Làng, Khun Trại, Khun Vai, Tạng Khiếc, Vũ Hải Đường, Yên Bình, xã Kiên Đài, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đài Thị - MC 375 Bản Dân	Khu vực các thôn Đài Thị, Đầu Cầu, Bản Dân, xã Yên Lập, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Nà Ngà - MC 375 Đài Thị	Khu vực các xã Đầm Hồng 3, Đầm Hồng 2, Đầm Hồng 1, Ngọc An , Bắc Ngõa , Khuân Phục, Nà Tuộc, Bản Mèo, Bản Đàng, Kim Ngọc, Đại Đồng, Nà Bấy, Khun Cang, Bản Cải, Nà Ngà, Tổ dân phố Vĩnh Sơn, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Kim Bình - MC 376 Linh Phú	Khu vực các thôn Pác Cháng, Khuổi Đẳng, Nà Luông, Pác Hóp, Khuổi Hóp, Khuổi Lầy, Lung Luề, Mã Lương, Tiến Thành 1, Nà Coong, Khuổi Pẩu, Khuôn Làn, Bản Ba, Bản Cham, Lãng Đén, Khun Mạ, Lãng Quăng, Bản Tát, Nà Lại, Bản Tù, Bản Sao, Bản Nghiên, Kim Quang, xã Kim Bình, Tri Phú, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Đoàn Kết - MC 375 Vĩnh Quang	Khu vực các thôn Tân Tiến , Nà Ngày, Bản Phán, Trung Lợi, Trung Vượng 1, Trung Vượng 2, Tân Lập, Đoàn Kết, Soi Trinh, Tham Kha, xã Chiêm hóa, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Trung Hòa - MC 375 Đoàn Kết - MC 376 Kim Bình	Khu vực các thôn Trung Lợi, Soi Trinh, Liên Nghĩa, Tân Quang, Tiên Hóa 1, Tiên Hóa 2, Tiên Quang 1, Tiên Quang 2, Phong Quang, Vĩnh Tường, Phố Chính, An Ninh, Vĩnh Bảo, Soi Đứng, Tông Trang, Quang Hải, Bình Thê, Ngọc Lâu, Đồng Tâm, Đồng Tân, Nhân Lý, Bình An, Bình Tân, xã Chiêm Hoá, Kim Bình, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 376 Hòa An - MC 376 Nhân Lý	Khu vực các thôn Thôn Ba I, Thôn Ba II, Gốc Chú, Đầu Cầu, Đồng Cọ, Điềng, Chăn, Hạ Đồng, Khuân Nhất, Pá Tao, Làng Mỏ, Chằng Thượng, Làng Mạ, Làng Rèn 1, Làng Rèn 2,

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Tông Nhậu, Lăng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Lăng Chang, xã Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d MC 376 E14.2- MC 376 Hòa An - MC 376 Trung Hòa	Khu vực các thôn Pá Tao, Lăng Mỏ, Chằng Thượng, Lăng Mạ, Lăng Rền 1, Lăng Rền 2, Tông Nhậu, Lăng Hối, Tông Muông, Chằng Hạ, Lăng Chang, Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Lăng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Tân Bình	Khu vực các thôn Tân Minh, Tân Bình, Tân Hợp, Tân Cường, Tân Hoa, Tân Hội, An Phú, An Thịnh, xã Tân An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 372 Hà Lang	Khu vực các thôn Nà Khau, Cuôn, Chuông, Nà Khán, Nà Rừng, Tho, Nậm Bún, Hiệp, Phía Xeng, Thôn Bản Ba 1, Thôn Bản Ba 2, Thôn Nà Dầu, Thôn Bản Tháng, Thôn Bản Túm, Thôn Lăng Chua, Thôn Nà Đồng, Thôn Nà Lừa, Thôn Nông Tiến 1, Thôn Nông Tiến 2, Thôn Lang Chang, Thôn Nà Dao, Thôn Khuổi Đình, Thôn Phiềng Ly, Thôn Khuôn Pồng 2, Thôn Khuổi Hối, Thôn Khuôn Pồng , Thôn Khuôn Nhòa, xã Tân An, Trung Hà, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 372 Trung Hà - MC 375 Tân Mỹ - MC 372 Nà Trình	Khu vực các thôn Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Minh Quang, tỉnh Tuyên Quang, xã Tân Mỹ, Thổ Bình, Hồng Quang, Phúc Sơn, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 375 Xuân Quang - MC 375 Tân Mỹ	Khu vực các thôn Nhảm Ngoan, Nà Nêm, Lăng Ái, Ngoan A, Trung Quang, Thượng Quang, Nà Thoi, Lăng Lạc, Nà Coóc, Lăng Ngõa, Nà Lá, Lăng Bình, Thôn Sơn Thủy, Thôn Trung Sơn, Thôn Nà Pồng, Thôn Nà Giàng, Thôn Nà Nhoi, Thôn Bản Giáo, Thôn Bản Chằng, Thôn Bản Tụm, Thôn Thôm Bura, Thôn Na Héc, Thôn Phở Vền, Thôn Pắc Có, Thôn Khuôn Thắm, Thôn Lăng Lé, Thôn Ón Cáy, Thôn Tông Lũng, Thôn Noong Tuông, Thôn Tân Thành, xã Tân Mỹ, Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Hòa Phú - MC 373 Yên Quang	Khu vực các thôn Khuân Trú, Vĩnh An, Cầu Cả, Ba Nhất, Yên Cốc, Bảo Ninh, Nhân Thọ 2, Trục Trì, Khuôn Khoai, Lăng Mòi, Đồng Vàng, Cầu Mạ, Hợp Long 1, Hợp Long 2, Yên Quang, Nhân Thọ 1, Thôn Lăng Đầu, Thôn Khuân Hang, Thôn Lăng Chang , Thôn Thác Lụa, Nà Tàng, Lăng Cuông, Lăng Khán, Đồng Bá, Càng Nộc, Cây La, Gia Kè, Đèo Chắp, Lăng Quậy, xã Yên Nguyên, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Phúc Thịnh - MC 373 Hòa Phú	Khu vực các thôn Nà Nghè, An Thịnh, Phúc An, Tân Yên, Đồng Quang, Quang Minh, Lăng Bực, Lăng Luông, An Phong, An Phú, Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, Hoà An, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.2 - MC 373 Phúc Thịnh - MC 378 Hòa Đa	Khu vực các thôn Húc , Nà Bó, Tụ, Trung Tâm, Phúc Tâm, An Thịnh, An Quỳnh, Tân Hòa, Hòa Đa, Đồng Lũng, Đồng Hương, xã Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Việt Thành	Khu vực các thôn An Lâm, thôn 6 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 1 Cao Đà xã Thái Sơn, thôn 5 Việt Thành, thôn 3 Việt Thành, thôn 4 Việt Thành, thôn 1 Việt Thành, thôn 2 Việt Thành, thôn 1 Mỏ Nghiều, thôn 2 Mỏ Nghiều, thôn 3 Mỏ Nghiều, thôn 4 Mỏ Nghiều, thôn 2 Thuộc hạ xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 371 Bình Xa	Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Km31 - MC 373 Yên Quang	Thôn 1 Thái Thủy, thôn 2 Thái Thủy, thôn 3 Thái Thủy, thôn Khôn, thôn 1 Minh Thái, thôn 2 Minh Thái, thôn 31, thôn 2 Thái Bình, thôn 3 Thái Bình, thôn 4 Thái Bình, thôn Quang Trung, thôn 1 An Thạch, thôn An Lâm, thôn Thái NinhXã Thái Sơn, Thôn 1 Minh Tiến, Cây Đa, Đá Bàn, Thôn 5 Minh Tiến, Thôn 6 Minh Tiến, Thôn 7 Minh Tiến, Thôn 8 Minh Tiến, thôn 1 Minh Quang, thôn 2 Minh Quang, thôn 3 Minh Quang, thôn 4 Minh Quang, thôn 5 Minh Quang, thôn 6 Minh Quang, thôn 7 Minh Quang, thôn 8 Minh Quang, thôn 9 Minh Quang, thôn 10 Minh Quang, thôn 12 Minh Quang, thôn 13 Minh Quang, Kim Giao, Ao Hợ, Thác Lường, Đồng Lường, Đồng Vầu, Đồng Côm, Đồng Chùa 1, Đồng Chùa 2, Nam Ninh, Thôn Đo, Đèo Ảng xã Bình Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 E14.11 - MC 371 Km31	Thôn Ba Chằng xã Hàm Yên, thôn 2 Minh Thái, thôn Khôn, Cây Đa xã Thái Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Đức Ninh	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tườn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tế Khuân Ờn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẫy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Hùng Đức	Thôn Lập Thành, Núi Guột Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn xCây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thái Hòa	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông Xã Thái Hoà, Lục Hành tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Thành Long	thôn Cây Đa, Thành Công 1, Thành Công 2, Đoàn Kết 1, Đoàn Kết 2, Đoàn Kết 3, Loa, Hưng Long, Phúc Long 1, Phúc Long 2, Phúc Long 3, Phúc Long 4 xã Thái Sơn, thôn Đồng Nhật, Đồng Quảng, Phúc Long, Cọ Sẻ, Ngòi Yên, Hợp Hòa xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Đức Ninh - MC 375 Tân Phong	Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Thái Sơn - MC 373 Đức Ninh	Thôn Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Băm, Thôn Lăng Chắt, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ẽn, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bẩy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 E14.11 - MC 373 Thái Sơn	Thôn 2 Thái Bình, Thôn 3 Thái Bình, xã Thái Sơn; Thôn Ao Vê, Bình Thuận, Cây Vải, Đầu Phai, Khánh An, Khánh Hòa, Ninh Tuyên, Quang Thái, Quang Thái 2, Soi Long, Tân An, Ninh Thái, Ba Luông, Thôn Ao Sen II, Gạo Đình, Thôn 20, Thôn 21, Chẽ, Đồng Danh, Ao

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Sen I, Cây Chanh I, Cây Chanh II, Làng Đào, Lập Thành I, Cây Xoan, Làng Đồng, Tân Lập, Bình Minh Xã Thái Hoà, Thôn Khuân Then, Thôn Đồng Bầm, Thôn Lăng Chằng, Thôn Tân Hùng, Thôn Uôm Tưởn, Thôn Cây Thông, Thôn Cây Quéo, Thôn Thắng Bình, Thôn Xuân Đức, Thôn Làng Phan, Thôn Đèo Quân, Thôn Hùng Xuân, Thôn Đèo Tể, Thôn Khuân Ên, Thôn Khuân Thắng, Thôn Bầy Trăm, Thôn Thanh Vân, Thôn Thị, Thôn Xuân Mai, Thôn Văn Nham, Thôn Khánh Hùng, Thôn Khánh Xuân xã Hùng Đức, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Minh Dân	Thôn Đồng Tâm, Trung tâm, Đồng Mới, Thượng Lâm, Lâm Tiến xã Phù Lưu; Lục Khang, Sơn Thủy, Lục Sơn, Bơi, Thôn Vá, Dêm, Cuôm, Khau Lăng, Cao Đường, Hao Bó, Bá, Cầu Treo, Cốc Phường, An Thịnh, Ngòi Nung, Phòng Trao, Đồn Bàu, Làng Chang, Bến Đền, Làng Ên, Phù Hương, Nà Quan, Cầu Cao 1, Cầu Cao 2, Làng Báu, Minh Thái, Xít Xa, Ngòi Lộc, Thăm Bon, Cao Phạ, Minh Hà, Ngòi Hẹp, Thác Cái, Ngòi Khương xã Bạch Xa tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 377 Pác Cáp	Thôn Pá Han, Pác Cáp, Nà Luộc, Bán Ban, Thôn Tấu, Mường, Khuổi Nọi, Lăng Đán, Nặm Lương xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 377 Thác Vàng	Thôn Soi, Thôn Thụt, Ngòi Tèo, Nước Mỏ, Thác Vàng Xã Phù Lưu, tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Tân Thành - MC 377 Minh Dân	Thôn 1 Làng Bát, Thôn 2 Làng Bát, Thôn 4 Làng Bát Xã Hàm Yên, thôn Phù Yên, Ma Long, Làng Chả, Ban Nhảm, Nghiệu, Bura, Khâu Linh, Thôn Thọ xã Phù Lưu tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 377 Yên Phú - MC 377 Yên Lâm	Thôn Km 61, thôn 1A Thống Nhất, Thôn 1B Thống Nhất, Thôn 2 Thống Nhất Thôn 3 Thống Nhất, Thôn Làng Chiềng, Thôn Làng Soi, Thôn 4 Thống Nhất, Thôn 5 Thống Nhất, Thôn 6 Thống Nhất, Thôn 7 Thống Nhất, Thôn 1 MINH Phú, Thôn 2 MINH Phú, Thôn 3 MINH Phú, Thôn 4 MINH Phú, Thôn 5 MINH Phú, Thôn 6 MINH Phú, Thôn 7 MINH Phú, Thôn 8 MINH Phú, Thôn 9 MINH Phú, Thôn 1 Yên Lập, Thôn 2 Yên Lập, Thôn 3 Yên Lập, Thôn km 68, Thôn km 65, Thôn Thág 10, Thôn Ngòi Sen, Thôn Quảng Tân, Thôn Thái Khao, Thôn Ngõa, Thôn Nắc Con 1, Thôn Nắc Con 2 Xã Yên Phú tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Xuân Vân - MC 374 Kiến Thiết	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Lục Hành - MC 371 Nhân Lý	Khu vực xã Lục Hành, Xuân Vân tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Ao Dăm - MC 374 Xuân Vân - MC 374 Lục Hành	Khu vực xã Xuân Vân, Kiến Thiết tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 374 Cầu Dát	Khu vực xã Xuân Vân, Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Phúc Ninh - MC 374 Cầu Dát - MC 374 Ao Dăm	Khu vực xã Yên Sơn, Xuân Vân Tuyên Quang

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 374 Đồng Chăm - MC 374 Tân Phong - MC 374 Phúc Ninh	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Đền Minh Lương	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau LBS 374 Thắng Quân	Khu vực xã Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 371 Nhữ Khê - MC 374 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ LBS 374 Đội 5+15 – DCL 374-7/1 Thọ Xuân	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 374 Hữu Thổ - MC 373 Đồng Thọ	Khu vực xã Đồng Thọ tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC374 Xóm 1+2 Z129 - MC 374 Hữu Thổ	Khu vực xã Nhữ Khê tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Làng Phan	Khu vực xã Hùng Lợi tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d từ MC 373 Kim Quan - MC 371 Linh Phú	Khu vực xã Trung Sơn, xã Hùng Lợi, xã Tân Trào tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 Công Đa	Khu vực xã Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 373 ATK - MC 373 Công Đa - MC 373 Kim Quan	Khu vực xã Thái Bình, Trung Sơn tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 375 Tân Long - MC 375 Tân Tiến	Khu vực xã Tân Long tỉnh Tuyên Quang
			Đ/d sau MC 971 Minh Thanh	Thôn Niếng, thôn Toa, thôn Lê, thôn Dồn, thôn Cò, thôn Cầu, thôn Cây, thôn Ngòi Trườn, thôn Đồng Đon, thôn thôn Mới, thôn Cả xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 971 Khuân Đào	Thôn Trung Long, thôn Hoàng Lôu, thôn Khuôn Đào, thôn Pắc Pên, Xã Tân Trào
			Đ/d sau MC 971 TG Tân Trào	Thôn Tân Lập, thôn Tiên Phong, thôn Thia, thôn Mô Ché, thôn Lúng Búng xã Tân Trào
			Đ/d từ MC 973 TG Tân Trào – DCL 971-7 Tân Thái	Thôn Bồng xã Tân Trào, thôn Tân Thành, thôn Tân Thái xã Minh Thanh
			Đ/d sau LBS 375 Cầu Bâm	thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, Xã Sơn Thủy
			Đ/d sau LBS 375 Ninh Lai	Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kề, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn, Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý xã Sơn Thủy
			Đ/d LBS 375 Ninh Tân	thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Kề Tân xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Thiện Kề - MC 375 Phú Lương	thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thát, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lồng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bâm, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá xã Sơn Thủy. Thôn Hưng Tiến, thôn Cầu Trâm, thôn Đồng

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
				Khuôn, thôn Trần Kiêng, thôn Lý Sừ, thôn Đồng Na, thôn Hữu Vu, thôn Thái Sơn Đông, thôn Thái Sơn Tây, thôn Hoa Lũng, thôn Lũng Hoa, thôn Cây thông, thôn Đồng Giếng, thôn Vinh Phú, thôn Tứ Thử, thôn Đồng Sớm, thôn Tân Phú, thôn Mãn Hóa, thôn Hiệp Trung, thôn An Mỹ, thôn Đồng Say, thôn Thạch Khuân, thôn Đồng Đạo, thôn Dũng Vi, thôn Đồng Chùa, thôn Cầu Lợi, thôn Yên Phú, thôn Hải Mô, thôn Hải Mô Đông, thôn Dũng Giao, xã Phú Lương
			Đ/d từ MC375 Hợp Hòa - MC 375 Thiện Kế	Thôn Trại Đất, thôn Đồng Lạnh xã Tân Thanh. Thôn Tân Tiến, thôn Hội Kế, thôn Ninh Bình, thôn Ninh Thuận, thôn Ninh Phú, thôn Ninh Hòa, thôn Cây Đa 1, thôn Hoàng La 1, thôn Hoàng Tân, thôn Ấp Mới, thôn Hội Tân, thôn Hợp Hòa, thôn Hợp Thịnh, thôn Cây Đa 2, thôn Hoàng La 2, thôn Ninh Lai, thôn Ninh Quý, thôn Rừng Vầu, thôn Thanh Thát, thôn Cây Cọ, thôn Đồng Xe, thôn Ao Xanh, thôn Trúc Long, thôn Khoan Lư, thôn Vườn Quan, thôn Quyết Thắng, thôn Thanh Tân, thôn Ba Nhà, thôn Lũng Khu, thôn Văn Bảo, thôn Cầu Bám, thôn Thác Nóng, thôn Bình Man, thôn Bình Thái, thôn Tân Bình, thôn Đồng Cháy, thôn Nam Hiên, thôn Ngòi Lèo, thôn Làng Nàng, thôn Cao Đá, thôn Phô Dò, thôn Vạt Tranh, thôn Làng Thiện, thôn Văn Sòng, thôn Ninh Tân, thôn Làng Sinh, thôn Tân Phú, thôn Thai Bạ, thôn Cầu Si, thôn Thiện Phong, thôn Thiện Tân, thôn Xóm Đá, thôn Nhật Tân, thôn Kế Tân, xã Sơn Thủy
			Đ/d từ MC 375 Khuân Giáng - MC 375 Hợp Hòa	Thôn Khuôn Ráng xã Sơn Dương. Thôn Cây Nhội, thôn Lục Liêu, thôn Lâm, thôn Vĩnh Sơn, thôn Tân Tiến, thôn Chùa, thôn Cây Thị, thôn Nga Phú, thôn Tân Quang, thôn Ba Quanh, thôn Tân Thịnh, thôn Vĩnh Tiến, thôn Đồng Tâm, thôn Bàu xã Tân Thanh
			Đ/d LBS 373 Đá Bàn	Thôn An Thịnh xã Trường Sinh, thôn Cao Ngỗi, thôn Đồng Khuôn, xã Phú Lương
			Đ/d sau MC 373 Tân Phú	Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Tân Tiến, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hối Xuân Xã Phú Lương. Thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương, xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Đồng Lợi	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngỗi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa xã Trường Sinh
			Đ/d sau LBS 373 Sầm Dương	Thôn Hưng Định, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, xã Trường Sinh
			Đ/d sau MC 373 Vân Sơn	Thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Độc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn xã Hồng Sơn

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 Kim Xuyên - MC 375 Phú Lương	Thôn An Khang, thôn An Lịch, thôn An Ninh, thôn Đồng Nương, thôn An Thịnh, thôn Cao Ngồi, thôn Cu Ri, thôn Đồng Bừa, thôn Sùng Lễ, thôn Nhà Xe, thôn Phúc Bình, thôn Phúc Kiện, thôn Phúc Thịnh, thôn Xóm Nứa, thôn Phú Đa, thôn Đồng Phú, thôn Phú Thịnh, thôn Quang Tất, thôn Đào Tiến, thôn Thắng Lợi, thôn Thọ Đức, thôn Trại Mít, thôn Đồng Tâm, thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh, thôn Quyết Thắng, thôn Phú Thọ 2, thôn Phú Thọ 1, thôn Phú Thịnh, thôn Phan Lương xã Trường Sinh Thôn Đồng Tâm, thôn Cầu Kỳ, thôn Thái Hòa, thôn Tân Tiến, thôn Lương Viên, thôn Nho Quan, thôn Cẩm Bào, thôn Tân Mỹ, thôn An Lạc, thôn Tân Phú, thôn Phú Thọ, thôn Tân Lộc, thôn Tân Thành, thôn Phú Xuân, thôn Hồi Xuân, thôn Vi Lăng, thôn Lộ Viên, thôn Hưng Tiến, thôn Gia Lập, thôn An Thịnh, thôn Lão Nhiêu, thôn Đồng Khuôn, thôn Gia Cát, thôn Lăng Nhiêu, thôn Phú Sơn, thôn Phú Nhiêu xã Phú Lương.
			Đ/d từ MC 373 Đồng Quý - MC 373 Kim Xuyên	Thôn Cây Táo, thôn Như Xuyên, thôn Việt Lâm, thôn Nhâm Lang, thôn Thanh Lương, thôn Bá Xanh, thôn Đồng Cây, thôn Xóm Nội, thôn Quý Nhân xã Đông Thọ, Thôn Ninh Phú, thôn Cầu Đá, thôn Chi Thiết, thôn Bình Yên, thôn Cây Gạo, thôn Khán Cầu, thôn Phú Thị, thôn Tây Vực, thôn Góc Lát, thôn Cờ Dương, thôn An Mỹ, thôn Tân Sơn, thôn Dộc Vầu, thôn Đồn Hang, thôn Mãn Sơn, thôn Khổng, thôn Cây Vạng, thôn Kim Xuyên, thôn Gò Đình, thôn Kho 9, thôn Vạn Long, thôn Đình Lộng, thôn Xóm Hồ, thôn Cây Châm, thôn Làng Đu, thôn Khe Thuyền 3, thôn Tân Thành, thôn Thịnh Kim, thôn Đồng Mụng, thôn Khe Thuyền 2, thôn Khe Thuyền 1, thôn Xóm Bọc, thôn Gò Kiêu, thôn Đồng Ván, thôn Văn Hiến xã Hồng Sơn, Thôn Hưng Đình, thôn Quyết Tiến, thôn Hưng Thịnh, thôn Lương Thiện, thôn Đồng Tâm, thôn Thái Thịnh xã Trường Sinh
			Đ/d từ MC 373 Tú Thịnh - MC 373 Đồng Quý	Thôn Tân Thắng, thôn Đông Thịnh xã Sơn Dương. Thôn Đông Thịnh, thôn Đá Trơn, thôn Trung Thu, thôn Mỹ Thọ, thôn Đông Khê, thôn Y Nhân, thôn Tân An, thôn Đa Thọ, thôn Hà Sơn, thôn Làng Hào, thôn Làng Mông xã Đông Thọ. Thôn Khuôn Lăn xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 373 Gò Đồn - MC 373 cấp Tiến	Thôn Đông Khê xã Đông Thọ. Thôn Cây Si, thôn Tiến Thắng, thôn Phú Bình, thôn Đồng Chiêm, thôn Hòa Bình, thôn Gò Hu xã Bình Ca
			Đ/d từ MC 373 An Hòa - MC 373 Gò Đồn	Thôn Phú Lương, thôn Mất Ròng, thôn Đồng Lợi, thôn Cây Đa, thôn An Hòa, thôn Đồng Hèo, thôn Kim Ninh, thôn Tân Lập, thôn Văn Minh, thôn Bờ Sông, thôn Ao Bầu, thôn Hồ Sen, thôn Cầu Cháy, thôn Đất Đỏ, thôn Vân Thành, thôn Thượng Âm xã Bình Ca

Phương án	Mức sa thải so với Pmax (%)	Công suất sa thải (MW)	Tên lộ, nhánh đường dây cắt điện	Khu vực mất điện
			Đ/d từ MC 373 E14.3 - LBS 373 Quyết Tiến - MC 373 Tú Thịnh	Thôn Đa Năng, thôn Sơn Thủy, thôn Tân Thắng xã Sơn Dương, Thôn Bình Ca, thôn Thái An, thôn Tam Tinh thôn Đồng Dài, thôn Âm Thắng, thôn Đồng Ván, thôn Hàm Ếch, thôn Cạn, thôn Đồng Trôi, thôn Đồng Bền 2, thôn Đồng Bền 1, thôn Cây Phay, thôn Cây Đa, Hồng Tiến xã Bình Ca.
			Đ/d từ MC 375 E14.3 - MC 375 Phúc Ứng	Thôn Phú Lộc, thôn Liên Phương, thôn Phúc Lợi, thôn Minh Lệnh, thôn Đá Cã, thôn Phúc Vượng, thôn Khuôn Thê, thôn Phai Cày, thôn Tân Thượng, thôn Phương Cẩm, thôn Đồng Luộc, thôn Đá Ngựa, thôn Liên Thành, thôn Khuôn Ráng, thôn Cây Thị, thôn Phúc Hoà, thôn Tân Thịnh, thôn Tân Hoà xã Sơn Dương
			Đ/d từ MC371 Thiếc Sơn Dương - MC 375 Đồng Chùa	thôn Lạm, thôn Đoàn Kết, thôn Đèo Mon, thôn Bờ Hồ, thôn Hội Trường, thôn Khuôn Phầy, thôn Trung Tâm, thôn Ba Khe, thôn Góc Mít, thôn Bãi Cát, thôn Miền Tây, thôn Thanh Sơn, thôn Đồng Chùa xã Tân Thanh
			Đ/d từ MC 371 Lương Thiện – TG35/10kV Tân Trào	Thôn Cây Mơ, thôn Cây Thị, thôn Làng Sào, thôn Cây Sấu xã Sơn Dương. Thôn Tân Thượng, thôn Tân Tiến, thôn Đồng Chanh, thôn Đồng Quan, thôn Khuôn Mãn, thôn Phục Hưng, thôn Đồng Tậu, thôn Khuôn Tâm, thôn Lập Bình, thôn Khẩu Lầu, thôn Bình Dân, thôn Đồng Mìn, thôn Tân Yên xã Minh Thanh.
			Đ/d sau MC 374 E14.7 - MC 374 Z113 - MC 374 Đội Bình	Khu vực Đội Cấn, Thái Long, Lưỡng Vượng và KCN Long Bình An
			Đ/d 375 E14.9 - 375 XM Tân Quang	Tổ dân phố Trảng Đà 4 phường Nông Tiến
			Trạm 110kV Giấy An Hòa	Công ty cổ phần Giấy An Hòa
			Trạm 110kV Xi măng Tân Quang	NM Xi MĂNG Tân Quang Phường Nông Tiến
			Đ/d sau MC 372, MC 377 E14.7	NM Gang Thép Tuyên Quang phường Bình Thuận